TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 11 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoành

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà*:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị U, sinh năm 1997, nơi cư trú: xóm , xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Đình B, sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn , xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Số - Cục C - Bộ Công an, địa chỉ: thị trấn T, huyện Y, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Mai Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh Lê Đình B qua tìm hiểu, kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T vào ngày 13/10/2015; sau khi cưới tình cảm vợ chồng chỉ thực sự hạnh phúc được một

thời gian ngắn khoảng 2 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị U phát hiện anh B có sử dụng chất kích thích, chị U và gia đình có khuyên bảo nhưng không được; đến khi chị U mang thai tháng thứ 6, do thai bị khối u không giữ được phải bỏ, thì từ đó tình cảm vợ chồng càng trở nên mâu thuẫn trầm trọng. Sau khi ra viện chi U đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đến nay, còn anh B ra Hà Nội làm ăn và bị bắt do phạm tội về ma túy, hiện tại anh B đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số,. Vợ chồng đã sống ly thân gần 2 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung giữa vợ chồng không có, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị U xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị U xác định không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2018 bị đơn là anh Lê Đình B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh B và chị U tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân C, huyện T. Sau khi cưới vợ chồng sống không hạnh phúc; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị U yêu cầu ly hôn anh B không đồng ý ly hôn vì muốn được hòa giải với chị U.

Về con chung: anh B xác định vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: anh B xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự đều chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Xử cho chị Mai Thị U được ly hôn với anh Lê Đình B, về con chung và tài sản: không có, nên không xem xét giải quyết; Về án phí: chị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị U khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình B, anh B có hộ khẩu thường trú tại: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số, huyện Y; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật

tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Mai Thị U và anh Lê Đình B là hôn nhân hợp pháp, anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục và đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13 tháng 10 năm 2015. Sau khi kết hôn được thời gian ngắn tình cảm vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung giữa vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; Khoảng đầu năm 2016 chị U bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống còn anh B ra Hà Nội làm ăn, vợ chồng đã sống ly thân. Đến tháng 5 năm 2017 thì anh B bị bắt giam do có vi phạm pháp luật hình sự và bị Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", mâu thuẫn giữa vợ chồng càng trở nên trầm trọng; Vợ chồng hiện không còn quan tâm, qua lại với nhau. Qúa trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị U một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; Tại bản tự khai ngày 18/10/2018 anh B thừa nhận từ sau khi cưới tình cảm vợ chồng đã không hạnh phúc, nay tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh B không đồng ý ly hôn vì muốn được hòa giải với chị U. Anh B hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam, còn chị U có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và từ chối tham gia phiên họp tiến cận công khai chứng cứ; Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Xét thấy: Chị U và anh B không còn thương yêu, quý trọng nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, mâu thuẫn đã lâu, hôn nhân giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị U, xử cho chị Mai Thị U được ly hôn với anh Lê Đình B là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Mai Thị U và anh Lê Đình B đều xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị Mai Thị U và anh Lê Đình B đều xác định không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Uyên,

Chị Mai Thị U được ly hôn với anh Lê Đình B.

2. Về con chung: Chị Mai Thị U và anh Lê Đình B không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản: Chị Mai Thị U và anh Lê Đình B không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Mai Thị U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị U đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0001280 ngày 11/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến